



CSDL QLBanHang bao gồm các bảng sau:

SanPham(MaSP, MaHangSX, TenSP, SoLuong, MauSac, GiaBan, DonViTinh, MoTa)

HangSX(MaHangSX, TenHang, DiaChi, SoDT, Email)

NhanVien(MaNV, TenNV, GioiTinh, DiaChi, SoDT, Email, TenPhong)

Nhap(SoHDN, MaSP, SoLuongN, DonGiaN)

PNhap(SoHDN, NgayNhap, MaNV)

Xuat(SoHDX, MaSP, SoLuongX)

PXuat(SoHDX, NgayXuat, MaNV)

- Trong đó: Bảng SanPham – Sản phẩm, HangSX – Hãng sản xuất, NhanVien – Nhân viên, Nhap – Nhập, Xuat – Xuất, PNhap – Phiếu nhập, PXuat – Phiếu xuất.

- Hãy tạo/xóa/đọc thông tin CSDL quản lý bán hàng.
- Tạo các bảng dữ liệu, Đưa ra lược đồ quan hệ (Database Diagrams).
- Nhập dữ liệu cho các bảng trên.
- Đưa ra dữ liệu vừa nhập

Yêu cầu: Thực hiện các công việc trên bằng Lệnh (Query Analys - QA)

Thực hành tạo CSDL QLBanHang trên với phương pháp QA, với thiết kế bảng như sau:

Bảng 1.1. Bảng HangSX

HangSX				
Trường	Kiểu dữ liệu	Kích thước	Khóa	Mô tả
<u>MaHangSX</u>	Nchar	10	Primary Key	Mã hãng sản xuất
TenHang	Nvarchar	20		Tên hãng sản xuất
DiaChi	Nvarchar	30		Địa chỉ hãng
SoDT	Nvarchar	20		Số điện thoại
Email	Nvarchar	30		Email

Bảng 1.2. Bảng SanPham

SanPham

<i>Trường</i>	<i>Kiểu dữ liệu</i>	<i>Kích thước</i>	<i>Khóa</i>	<i>Mô tả</i>
<u>MaSP</u>	Nchar	10	Primary Key	Mã sản phẩm
MaHangSX	Nchar	10	Foreign Key – References HangSX(MaHangSX)	Mã hãng sản xuất
TenSP	Nvarchar	20		Tên sản phẩm
SoLuong	Int			Số lượng
MauSac	Nvarchar	20		Màu sắc
GiaBan	Money			Giá bán
DonViTinh	Nchar	10		Đơn vị tính
MoTa	Nvarchar	Max		Mô tả

Bảng 1.3. Bảng NhanVien

NhanVien				
<i>Trường</i>	<i>Kiểu dữ liệu</i>	<i>Kích thước</i>	<i>Khóa</i>	<i>Mô tả</i>
<u>MaNV</u>	Nchar	10	Primary Key	Mã nhân viên
TenNV	Nvarchar	20		Tên nhân viên
GioiTinh	Nchar	10		Giới tính
DiaChi	Nvarchar	30		Địa chỉ
SoDT	Nvarchar	20		Số điện thoại
Email	Nvarchar	30		Email
TenPhong	Nvarchar	30		Phòng ban

Bảng 1.4. Bảng PNhap

PNhap				
<i>Trường</i>	<i>Kiểu dữ liệu</i>	<i>Kích thước</i>	<i>Khóa</i>	<i>Mô tả</i>
<u>SoHDN</u>	Nchar	10	Primary Key	Số hóa đơn nhập

NgayNhap	Date			Ngày nhập
MaNV	Nchar	10	Foreign Key – References NhanVien(MaNV)	Mã nhân viên

Bảng 1.5. Bảng Nhập

Nhap				
<i>Trường</i>	<i>Kiểu dữ liệu</i>	<i>Kích thước</i>	<i>Khóa</i>	<i>Mô tả</i>
<u>SoHDN</u>	Nchar	10	- Primary Key(SoHDN, MaSP) - Foreign Key – References PNhap(SoHDN)	Số hóa đơn nhập
<u>MaSP</u>	Nchar	10	Foreign Key – References SanPham(MaSP)	Mã sản phẩm
SoLuongN	Int			Số lượng nhập
DonGiaN	Money			Đơn giá nhập

Bảng 1.6. Bảng PXuat

PXuat				
<i>Trường</i>	<i>Kiểu dữ liệu</i>	<i>Kích thước</i>	<i>Khóa</i>	<i>Mô tả</i>
<u>SoHDX</u>	Nchar	10	Primary Key	Số hóa đơn xuất
NgayXuat	Date			Ngày xuất
MaNV	Nchar	10	Foreign Key – References NhanVien(manv)	Mã nhân viên

Bảng 1.7. Bảng Xuat

Xuat				
<i>Trường</i>	<i>Kiểu dữ liệu</i>	<i>Kích thước</i>	<i>Khóa</i>	<i>Mô tả</i>

<u>SoHDX</u>	Nchar	10	- Primary Key(SoHDX,MaSP) - Foreign Key – References PXuat(SoHDX)	Số hóa đơn xuất
<u>MaSP</u>	Nchar	10	Foreign Key – References SanPham(MaSP)	Mã sản phẩm
SoLuongX	Int			Số lượng xuất

- Bộ dữ liệu cho các bảng nhập theo mẫu:

Bảng 1.8. Dữ liệu bảng HangSX

HangSX				
<u>MaHangSX</u>	<i>TenHang</i>	<i>DiaChi</i>	<i>SoDT</i>	<i>Email</i>
H01	Samsung	Korea	011-08271717	ss@gmail.com.kr
H02	OPPO	China	081-08626262	oppo@gmail.com.cn
H03	Vinfone	Việt nam	084-098262626	vf@gmail.com.vn

Bảng 1.9. Dữ liệu bảng NhanVien

NhanVien						
<u>MaNV</u>	<i>TenNV</i>	<i>GioiTinh</i>	<i>DiaChi</i>	<i>SoDT</i>	<i>Email</i>	<i>Phong</i>
NV01	Nguyễn Thị Thu	Nữ	Hà Nội	0982626521	thu@gmail.com	Kế toán
NV02	Lê Văn Nam	Nam	Bắc Ninh	0972525252	nam@gmail.com	Vật tư
NV03	Trần Hòa Bình	Nữ	Hà Nội	0328388388	hb@gmail.com	Kế toán

Bảng 1.10. Dữ liệu bảng SanPham

SanPham							
<u>MaSP</u>	<i>MaHangSX</i>	<i>TenSP</i>	<i>SoLuong</i>	<i>MauSac</i>	<i>GiaBan</i>	<i>DonViTinh</i>	<i>MoTa</i>

SP01	H02	F1 Plus	100	Xám	7000000	Chiếc	Hàng cận cao cấp
SP02	H01	Galaxy Note11	50	Đỏ	19000000	Chiếc	Hàng cao cấp
SP03	H02	F3 lite	200	Nâu	3000000	Chiếc	Hàng phổ thông
SP04	H03	Vjoy3	200	Xám	1500000	Chiếc	Hàng phổ thông
SP05	H01	Galaxy V21	500	Nâu	8000000	Chiếc	Hàng cận cao cấp

Bảng 1.11. Dữ liệu bảng PNhap

PNhap		
<u>SoHDN</u>	NgayNhap	MaNV
N01	02-05-2019	NV01
N02	04-07-2020	NV02
N03	05-17-2020	NV02
N04	03-22-2020	NV03
N05	07-07-2020	NV01

Bảng 1.12. Dữ liệu bảng Nhap

Nhap			
<u>SoHDN</u>	<u>MaSP</u>	SoLuongN	DonGiaN
N01	SP02	10	17000000

N02	SP01	30	6000000
N03	SP04	20	1200000
N04	SP01	10	6200000
N05	SP05	20	7000000

Bảng 1.13. Dữ liệu bảng PXuat

PXuat		
<u>SoHDX</u>	NgayXuat	MaNV
X01	06-14-2020	NV02
X02	03-05-2019	NV03
X03	12-12-2020	NV01
X04	06-02-2020	NV02
X05	05-18-2020	NV01

Bảng 1.14. Dữ liệu bảng Xuat

Xuat		
<u>SoHDX</u>	<u>MaSP</u>	SoLuongX
X01	SP03	5
X02	SP01	3
X03	SP02	1
X04	SP03	2
X05	SP05	1